

**I/ The Simple Present Tense:**

1/ Form:

	To be	V
Câu khẳng định	S + is/am/are	S + V(s/es)
Câu phủ định	S +	S +
Câu hỏi		

2/ Usage:

a/ Diễn tả một chân lý hoặc một sự thật

Ex: The sun (rise) \_\_\_\_\_ in the East.

b/ Diễn tả một thói quen ở hiện tại

Ex: I often (get) \_\_\_\_\_ up at 6 a.m

3/ The common adverbs: **Always**, constantly, **often**, **usually**, frequently , **sometimes**, occasionally, **seldom**, rarely, **every** day/week/month.

**II The Simple Past Tense:**

1/ Form:

(+) <b>S + V<sub>2</sub>/ed</b>	→ (-).....
	→ (?).....

2/ Usage:

- Diễn tả một hành động đã xảy ra trong quá khứ, chấm dứt rồi và biết rõ thời gian.

Ex: I (go) to Paris last summer. I (not go) \_\_\_\_\_ to London.

3/ The common adverbs: **last** day/week/month/year, **ago**, **yesterday**, **in** 2000 , ...

**III/ The Present Perfect Tense:**

1/ Form:

(+) <b>S + have/has + V<sub>3</sub>/ed</b>	→ (-).....
	→ (?).....

2/ Usage:

- Diễn tả một hành động vừa mới xảy ra, vừa mới kết thúc, thường đi với trạng từ "**just**"

Ex: The concert (just/begin) \_\_\_\_\_.

- Diễn tả một hành động bắt đầu từ quá khứ, còn kéo dài đến hiện tại và có khả năng tiếp tục ở tương lai.

Ex: Mary (live) \_\_\_\_\_ in this house **for** ten years.

- Hành động xảy ra trong quá khứ mà không biết rõ thời gian

Ex: I (go) \_\_\_\_\_ to Hanoi.

- Diễn tả một hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần ở quá khứ.

Ex: I (see) \_\_\_\_\_ Titanic three times.

3/ The common adverbs: **just**, **recently**, **lately**, **ever**, **never**, **already**, **yet**, **since**, **for**....

## Exercises :

### I/ Put the verb in brackets into the present simple or past simple

1. We \_\_\_\_\_ (go) to the beach last weekend.
2. My cousins \_\_\_\_\_ (not/ visit) us every weekend.
3. \_\_\_\_\_ (your mum/ make) a chocolate yesterday?
4. I \_\_\_\_\_ (receive) three messages two minutes ago.
5. Carlos always \_\_\_\_\_ (eat) spaghetti but two days ago he \_\_\_\_\_ (eat) soup.

### II/ Fill in each gap with the past simple or the present perfect form of the given word(s).

1. Last night I (lose) \_\_\_\_\_ my keys. I had to call my flatmate to let me in.
2. I (lose) \_\_\_\_\_ my keys. Can you help me look for them?
3. He (live) \_\_\_\_\_ with his great grandmother for a few years
4. She and her best friends (know) \_\_\_\_\_ each other for over fifteen years. They still get together once a week.
5. She (be) \_\_\_\_\_ a teacher for ten years, and she still enjoys it.

1. We \_\_\_\_\_ Dorothy since last Saturday.  
A. don't see      B. haven't seen      C. didn't see      D. hadn't seen
2. The train \_\_\_\_\_ half an hour ago.  
A. has been leaving      B. left      C. has left      D. had left
3. Jack \_\_\_\_\_ the door.  
A. has just painted      B. paint      C. will have painted      D. painting
4. My sister \_\_\_\_\_ for you since yesterday.  
A. is looking      B. was looking      C. has been looking      D. looked
5. He has sold motorbikes \_\_\_\_\_.  
A. ten years ago      B. since ten years      C. for ten years ago      D. for ten years
6. Christopher Columbus \_\_\_\_\_ American more than 500 years ago.  
A. discovered      B. has discovered      C. had discovered      D. had been discovering
7. I \_\_\_\_\_ to New York three times this year.  
A. have been      B. was      C. were      D. had been
8. Jack \_\_\_\_\_ the door.  
A. has just opened      B. open      C. have opened      D. opening